

KỂ CHUYỆN DANH NHÂN VIỆT NAM

LÊ MINH QUỐC

Tập 6

DANH NHÂN CÁCH MẠNG VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

DANH NHÂN
CÁCH MẠNG
VIỆT NAM

KỂ CHUYỆN DANH NHÂN VIỆT NAM

LÊ MINH QUỐC

DANH NHÂN CÁCH MẠNG VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

HOAN NGHĨNH BẠN ĐỌC GÓP Ý PHÊ BÌNH
NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
161b Lý Chính Thắng - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 9316211 - 8465595 - 8465596 - 9316289
Fax: 84.8.8437450
E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn
Website: <http://www.nxbtre.com.vn>

LỜI NÓI ĐẦU

Dân tộc ta vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn. Khi giặc đến nhà thì toàn dân kiên quyết cầm vũ khí chống giặc, lúc chiến đấu công khai, lúc hoạt động bí mật, lớp người trước anh dũng ngã xuống, lớp người sau hăng hái tiến lên, không ai cam chịu sống cúi đầu dưới ách thống trị của ngoại bang. Sự nghiệp dựng nước và giữ nước là cuộc đấu tranh lâu dài, trải qua mấy ngàn năm để giành Độc lập - Tự do đã tạo nên những trang sử vẻ vang chính là do toàn dân ý thức được chân lý “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Trong chiều hướng bày tỏ lòng biết ơn đối với tiền nhân, NXB Trẻ chúng tôi xuất bản tập sách Danh nhân cách mạng Việt Nam - trong bộ sách nhiều tập KỂ CHUYỆN DANH NHÂN VIỆT NAM do nhà thơ Lê Minh Quốc biên soạn.

Trong đó, chúng tôi cố gắng nêu bật thành tích của các danh nhân như Nguyễn Cao - người có công tổ chức lực lượng đánh Pháp ngay từ lúc mới xâm lược miền Bắc lần thứ nhất (1873). Chỉ riêng cái chết hào hùng, oanh liệt của ông được người đương thời rất khâm phục và nó còn có tác dụng kích thích tinh thần của nghĩa quân đang chiến đấu. Trong giai đoạn đầu thế kỷ XX, chúng tôi đề cập đến các nhân vật như Phạm Văn Tráng, Nguyễn Khắc Cần - là hai liệt sĩ đã nhận trách nhiệm của tổ chức Việt Nam Quang phục Hội ném tạc đạn giết giặc Pháp và tay sai của chúng. Hành động oanh liệt này có ý nghĩa tích cực cổ động hàng triệu con dân nước Việt đang bị áp bức tin tưởng vào phong trào cách mạng Việt Nam. Tiêu biểu cho thế hệ thanh niên Việt Nam đi đầu trong cuộc biểu tình vĩ đại chống sưu cao thuế nặng năm 1908, chúng tôi đề cập đến nhân vật Nguyễn Hàng Chi. Kế tiếp, chúng tôi đề cập đến một nhân vật lạ lùng, đó là Phan Xích Long - người của tổ chức Thiên Địa Hội ở Nam kỳ, tự xưng “hoàng đế” và đã làm nên cuộc khởi nghĩa oanh liệt năm 1913 ở Sài Gòn, mà tiếng thom còn để lại cho đời sau. Tương tự ta còn thể kể đến nhân vật Bạch Xỉ lập căn cứ kháng chiến ở vùng núi phía nam Quảng Bình.

Chúng tôi tiếp tục nêu bật thành tích của là chí sĩ Trần Cao Vân, người đã cùng với các yếu nhân của Việt Nam Quang phục Hội tại các tỉnh miền Trung vận động vua Duy Tân tham gia cuộc khởi nghĩa năm 1916. Cho dù, Trần Cao Vân cùng các đồng chí như Thái Phiên, Phan Thành Tài... bước lên đoạn đầu đài thì tinh thần yêu nước vẫn sống mãi cùng non sông đất nước. Mặc dầu cuộc khởi nghĩa năm 1916 thất bại, nhưng qua năm sau lại nổ ra cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên do anh hùng Lương Ngọc Quyến và Đội Cấn chỉ huy. Qua cuộc khởi nghĩa này, ta thấy rõ được tinh thần yêu nước của ngụy binh Việt Nam, cho dù bị cưỡng bức vào đội ngũ lính khố xanh, lính khố đỏ để đàn áp phong trào cách mạng nhưng một khi được giác ngộ về lý tưởng, lẽ phải họ sẵn sàng quay mũi súng bắn lại quân cướp nước! Trong các nhân vật hoạt động cách mạng ở hải ngoại, chúng tôi đề cập đến anh Phạm Hồng Thái đã ném tạc đạn giết Toàn quyền Merlin ở Sa Diện (Quảng Châu - Trung Quốc); anh Lê Hùng Sơn - người đã nhận nhiệm vụ cùng liệt sĩ Phạm Hồng Thái, sau sa vào tay giặc và bị án chém. Không chỉ đánh kẻ thù bằng bom đạn, có người đánh bằng những vần thơ viết từ máu và nước mắt. Ta có thể kể đến anh Phạm Tất Đắc - từ năm 17 tuổi đã dũng cảm viết những vần thơ Chiêu hồn nước với tinh thần "Mỗi vần thơ: bom đạn phá cường quyền" đánh thức "hồn nước" của quốc dân trong ách nô lệ... Lịch sử nước nhà đã chứng minh một cách hùng hồn rằng, không một lực lượng nào có thể dùng bạo lực để đàn áp tinh thần quật khởi của một dân tộc anh hùng.

Từ năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chính thức có mặt trên vũ đài chính trị - một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng nước nhà. Ta có thể kể đến gương hy sinh dũng cảm của những người cộng sản trẻ tuổi, như anh Nguyễn Phong Sắc - khi giữ chức bí thư Kỳ bộ Trung kỳ đã phát động cao trào cách mạng mà cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng từng nhận định: "Xô Viết Nghệ Tĩnh, cuộc khởi nghĩa vĩ đại làm chấn động nền thống trị của chế độ thực dân và phong kiến hồi năm 1930 - 1931, mở đầu phong trào cách mạng đưa đến những thắng lợi huy hoàng của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân". Trong khi đó, ở Nam kỳ hoạt động cùng thời với anh còn có anh Châu văn Liêm - là một trong những người sáng lập Đảng và hy sinh khi chỉ huy cuộc biểu tình rầm rộ ở Đức Hòa (Long An). Ở miền Trung, chúng tôi viết về anh Nguyễn Nghiêm, người bí thư chi bộ

đầu tiên của Quảng Ngãi đã phát động quần chúng hưởng ứng phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh. Tương tự còn là những gương hy sinh của những người cộng sản trẻ tuổi như Tô Hiệu, Lý Tự Trọng...

Hẳn chúng ta chưa quên lúc con thuyền cách mạng đang lướt sóng trong phong ba bão táp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng suốt củng cố khối đoàn kết đại dân tộc. Người kêu gọi: “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có guơm dùng guơm, không có guơm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc, ai cũng phải ra sức chống thực dân, cứu nước...”. Đây là một chủ trương lớn của Đảng Cộng Sản Việt Nam trong sự nghiệp chung đấu tranh giành Độc lập - Tự do của nước nhà. Do đó, tập sách còn đề cập đến những nhân vật yêu nước khác là nhà nho Nguyễn Khắc Nhu - một lãnh tụ của Việt Nam Quốc dân đảng, đã hy sinh anh dũng trong công cuộc khởi nghĩa Yên Bái năm 1930; là anh Ký Con Đoàn Trần Nghiệp - hy sinh lúc mới 23 xuân, anh đã chứng minh cho giặc Pháp biết rằng: Không thể dùng bạo lực để khuất phục tinh thần quả cảm và nhiệt huyết của những con người quyết đấu tranh giành lại độc lập cho dân tộc mình...

Trong tập sách này, chúng tôi cũng đề cập đến những người lính Cụ Hồ có những đóng góp mà thế hệ trẻ hằng ngưỡng mộ. Đó là chiến sĩ nuôi quân Hoàng Cầm, người đã có sáng kiến tạo ra “bếp Hoàng Cầm” độc đáo trong cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc - đã được ghi nhận trong Từ điển bách khoa Việt Nam, Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam... Bước qua giai đoạn chống Mỹ, cứu nước chúng ta từng nghe đến con đường huyền thoại Trường Sơn nhưng ai là người đầu tiên được Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam giao nhiệm vụ khảo sát để mở tuyến đường này? Đó là thiếu tướng Võ Bẩm, vị tư lệnh đầu tiên của con đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh bất tử. Và tất nhiên, chúng ta cũng không thể quên con đường Hồ Chí Minh trên biển Đông đã góp phần to lớn trong việc vận chuyển vũ khí, lương thực từ miền Bắc chi viện cho chiến trường miền Nam trong cuộc kháng chiến thống nhất Tổ quốc. Lần đầu tiên, ngày 16/10/1962, vượt qua bao sóng gió trên biển, con tàu do Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân Bông Văn Dĩa chỉ huy đã vào đến Vàm Lũng (Cà Mau) an toàn. Sự kiện này trong tập sách Lịch sử Hải quân Nhân dân Việt Nam ghi nhận:

“Chuyến vận chuyển vũ khí đầu tiên bằng đường biển đã thành công. Đường giao thông xuyên suốt ven biển Bắc - Nam đã mở” (NXB Quân đội Nhân dân - 1985, tr. 156).

Nhân dân muôn năm ghi nhớ công lao của những người đã hy sinh, đã có nhiều cống hiến cho Tổ quốc. Tên tuổi họ sống mãi cùng hồn thiêng sông núi. Tuy nhiên, do khuôn khổ tập sách có hạn nên chúng tôi sẽ tiếp tục đề cập đến các danh nhân khác trong những tập sau.

Nhân đây chúng tôi xin được nhắc lại, bộ sách KỂ CHUYỆN DANH NHÂN VIỆT NAM do nhà thơ Lê Minh Quốc thực hiện đã phát hành các tập: Danh nhân quân sự Việt Nam, Danh nhân khoa học Việt Nam, Các vị Tổ ngành nghề Việt Nam, Danh nhân Sư phạm Việt Nam, Danh nhân văn hóa Việt Nam, Các vị nữ danh nhân Việt Nam, Những nhà cải cách Việt Nam, Danh nhân cách mạng Việt Nam, Những người Việt Nam đi tiên phong, Những nhà chính trị Việt Nam và sẽ còn phát hành các tập tiếp theo, mời các bạn tìm đọc. Để bộ sách thật sự hữu ích cho bạn đọc - nhất là các bạn thanh thiếu niên - chúng tôi rất mong được sự chỉ giáo, giúp đỡ chân tình của các học giả uyên bác, của các nhà sử học và của các bạn đọc xa gần để tập sách ngày một hoàn hảo hơn. Trước hết xin bạn đọc ghi nhận ở đây sự biết ơn sâu xa của chúng tôi.

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

NGUYỄN CAO

Còn mãi tình thân với núi sông

Trưa nắng gắt. Người đàn bà đi ngang qua ruộng mía. Gió thổi lao xao. Đang bụng mang dạ chửa, nàng bước đi chậm rãi. Bốn bề vắng lặng. Thoảng trong gió có tiếng ru hời vọng đến:

*Người về em những khóc thầm
Bên song vạt áo ướt dầm như mưa*

Nàng nâng vạt áo lên lau giọt lệ đang tràn qua khóe mắt. Mới ngoài hai mươi xuân nhưng chồng đã mất. Con ra đời sẽ không thấy mặt cha. Chỉ mới nghĩ đến đó, nước mắt nàng lại tuôn ra... Đột ngột lúc ấy, có tên lý trưởng đi ngược chiều. Thoạt nhìn thấy nàng, y đã cười thầm đắc ý trong lòng. Trước đây, nàng xinh đẹp nhất trong làng, nhiều trai làng ngấp nghé, nhưng không ai lọt vào mắt xanh của nàng, kể cả y. Giống như nhiều phụ nữ khác:

*Không tham ruộng cả, ao điền
Chỉ ham cái bút, cái nghiên anh đồ*

Nàng nhận lời cầu hôn của ông Nguyễn Hành. Dù vậy, sau khi chồng nàng mất, tên lý trưởng vẫn sai người tới ngỏ ý muốn cưới nàng làm vợ lẽ. Nàng từ chối khiến y rất hậm hực. Bây giờ, tình cờ gặp nhau chốn vắng vẻ như thế này, quả là dịp may hiếm có. Không kìm chế được y chặn nàng lại tính giờ trò sàm sỡ... Bàn tay y đã chạm vào ngực của nàng. Biết không thể chống cự được tên dâm đảng lại có chức sắc trong làng, nàng ôn tồn nói:

- Tôi là người góa bụa, mai kia cũng tái giá. Xin ông bình tâm đợi lúc đoạn tang chồng, tôi định bề gia thất cùng ông, từ đây đến lúc ấy cũng chẳng có gì phải vội. Phải đâu loại mèo mả gà đồng mà làm trò trên bệ dưới dàu. Làng trên xóm dưới biết chuyện thì họ cười chết!

Gái một con trông mơn con mắt, lại thêm giọng nói ngọt ngào, dịu dàng, đầm thắm thế kia khiến lý trưởng nguôi lòng... Y gật gù để nàng đi về.

Từ đó, trong lòng nàng mang mối hận.

Sau khi đã sinh con, rồi đoạn tang chồng nhưng nàng vẫn cự tuyệt lời cầu hôn của tên lý trưởng. Nàng âm thầm nuôi dạy con nên người. Lúc con mười hai tuổi nàng gửi xuống xã Liễu Ngạn, phủ Thuận Thành (Bắc Ninh) để nhờ thầy Nguyễn Gia Giao - vốn là bạn tâm giao với chồng nàng- rèn cặp.

Ngày kia, nhân ngày giỗ chồng, nàng làm bữa cỗ linh đình mời đông đủ họ hàng và quan viên trong làng đến dự. Riêng tên lý trưởng nhận được lời mời thì thấp thỏm mừng thầm trong bụng. Hơn mười năm qua y vẫn không ngừng đeo đuổi nàng, khi dụ dỗ, lúc cưỡng bức nhưng vẫn không đạt ý nguyện. Vậy bây giờ nàng đã đồng ý rồi chăng?

Hương khói nghi ngút. Tiếng cười nói rộn rã. Lúc mọi người ăn uống no say xong, nàng thấp một tuần nhang vái trước bàn thờ chồng và đồng dặc nói với mọi người:

- Khi chồng mới mất, tôi đã bị lý trưởng giở trò sàm sỡ. Nghĩ đã thất tiết với chồng nên tôi muốn về nơi chín suối, nhưng ngặt một nỗi con còn nhỏ. Bây giờ, con đã lớn, việc nhà thu xếp đã xong, tôi tự quyết định chuyện của tôi với ông lý trưởng.

Vừa dứt lời, nàng vạch áo dùng dao cắt phăng bên nhũ bộ bị lý trưởng làm nhục và ném thẳng vào mặt y. Rồi tiện tay, nàng đâm dao vào cổ mình tự vẫn!

Ai nấy đều khiếp đảm.

Người đàn bà can đảm và tiết hạnh ấy là mẹ của Nguyễn Cao, người anh hùng chống Pháp có khí tiết凛烈 mà sau này khi tuấn tiết Hiệp

thống Bắc kỳ quân vụ đại thần Nguyễn Quang Bích có thơ ca ngợi (Lê Xuân Mai dịch):

*Nguy nan xử trí vẫn thung dung,
Chê kẻ tham sinh, giọng nói hùng.
Mắc giặc người xưa tròn phận chết,
Moi lòng ông cũng tỏ gan trung.
Biết bao thanh giá ngoài khoa bảng,
Còn mãi tinh thần với núi sông.
Quân giặc đứng trông đều hoảng sợ,
Mai này nước sẽ biểu dương ông.*

Nguyễn Cao sinh năm 1828 (có tài liệu ghi ông sinh năm 1840 hoặc 1837) tại làng Cách Bi, tục gọi là làng Gạch, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh. Nhân cách của người mẹ có ảnh hưởng rất sâu đậm với cuộc đời của ông sau này. Ngay từ nhỏ, ông đã có trí thông minh và học giỏi hơn người. Lúc tỉnh Bắc Ninh tổ chức khảo hạch để lập danh sách thí sinh được dự khoa thi Hương năm Đinh Mão, thì Nguyễn Cao ở xa nên không về kịp. Theo quy chế ông không được vào thi. Thế nhưng, do biết tài của ông nên Bang biện tỉnh vụ Bắc Ninh là Phạm Thận Duật đích thân nói quan Đốc học Đoàn Huyên châm chước cho trường hợp này. Quan Đốc học còn ngần ngừ, chưa dám quyết thì Phạm Thận Duật nói lớn:

- Nếu người này không được đi thi thì thủ khoa trường Hà Nội về ai?

Nghe lời quả quyết như thế, quan Đốc học đồng ý cho Nguyễn Cao được miễn kỳ thi phúc khảo, rồi nói với tỉnh đường ghi tên ông vào danh sách thi Hương. Quả nhiên năm 1867, Nguyễn Cao đã đậu đầu trong kỳ thi Hương Đinh Mão tại Hà Nội. Quý mến tài học của thủ khoa, bấy giờ Phạm Thận Duật có tặng cho hai câu thơ (dịch):

*Khoa Đinh Mão tên đề số một,
Người Quế Dương tài vượt tám ngàn.*

Dù đậu cao, nhưng sau đó, ông không ra làm quan mà trở về quê mở trường dạy học. Khi giặc Pháp tiến quân đánh Bắc kỳ lần thứ nhất, năm 1873, Nguyễn Cao mộ được hơn ngàn nghĩa quân đánh Pháp ở

Gia Lâm, Thuận Thành. Nhưng qua năm sau, triều đình Huế ký hòa ước thỏa hiệp, ông buộc phải giải tán nghĩa quân. Sau nhân ông có công lao trong việc đánh dẹp Thanh phủ, triều đình ép ông giữ chức tri huyện Yên Dũng, rồi thăng tri phủ Lạng Giang. Ông làm quan rất thanh liêm, trong lời tâu về triều đình, quan tỉnh xác nhận: “Trộm khiếp sợ Nguyễn Cao như thần, dân chúng thân thiết như cha”. Thời gian này, ông có công trong việc khai hoang ở biên giới nên được thăng chức Bố chánh Thái Nguyên, rồi được giao đi kinh lý việc khẩn điền ở Nhã Nam (Bắc Giang).

Lúc thực dân Pháp xâm lược Bắc kỳ lần thứ hai, ông lại đem nghĩa quân ra nghênh chiến. Đội quân của ông phối hợp với nghĩa quân của Nguyễn Thiện Thuật, Ngô Quang Huy trấn giữ miền Đông Bắc, đã tiến về đánh nhiều trận ở xung quanh Hà Nội và lập được nhiều chiến công. Ngày 18/5/1883, ông bị thương nặng trong một trận đánh ở Gia Lâm. Sau khi lành vết thương, ông được cử giữ chức Tán tương quân vụ Bắc kỳ - mà trong nhân dân thường gọi là ông Tán Cách Bi. Nhưng rồi lúc Bắc Ninh, Nhã Nam thất thủ, ông lánh về làng Kim Giang (nay thuộc huyện Ứng Hòa - Hà Tây) dạy học.

Năm 1885, vua Hàm Nghi xuống chiếu Cần vương đánh Pháp, ông lặn lội lên chiến khu Bãi Sậy của chủ tướng Nguyễn Thiện Thuật để đứng vào hàng ngũ của những người trực tiếp chiến đấu. Trước sức mạnh hùng hậu của đội quân xâm lược nhà nghề, nghĩa quân kháng chiến dần dần thất thế. Ngày 27/3/1887, Nguyễn Cao bị giặc bắt tại làng Kim Giang. Dùng đòn tra tấn dữ dội nhưng vẫn không khuất phục được ý chí của ông, chúng dụ dỗ ông nếu đồng ý hợp tác thì sẽ được quyền cao chức trọng, nhưng ông cũng kiên quyết từ chối. Trong khi đó, bọn Việt gian cam tâm ra làm trâu ngựa cho giặc hòa vào nói ông là kẻ bất trung, vì không nghe theo lệnh của vua bù nhìn Đồng Khánh đã ra lệnh phải bãi binh. Còn giặc thì đem dụng cụ tra tấn hiện đại nhất bày biện ra trước mặt để đe dọa ông. Thế nhưng, nét mặt vẫn điềm tĩnh không thay đổi, ông bảo:

- Không cần những thứ này đâu! Tôi có cách tự xử, không phiền đến các người đâu!

Ông lấy trong áo một mảnh sành đã giấu sẵn, tự rạch bụng lôi ruột ra ném trước mặt chúng và đồng dục hỏi:

- Ruột của tôi đây! Các người xem đoạn nào là bất trung!

Tất cả đều khiếp đảm!

Vẫn khí phách ấy, Nguyễn Cao đã mắng nhiếc bọn tay sai và tố cáo tội ác của giặc bằng lời lẽ đanh thép. Giây lát sau, từ miệng ông máu ra xối xả: ông đã cắn lưỡi để tự vẫn! Trước lúc về trời, Nguyễn Cao có để lại bài thơ *Tự phận ca* (Bài ca biết phận) bộc lộ tâm trạng bi phẫn của một tầng lớp nho sĩ trước thời vận mất nước (Lê Xuân Giáo dịch):

*Ngán thay tạo vật, cho ta sống làm gì?
Đã không đi được ngàn dặm như ngựa ký
Lại không bay được lưng trời như chim le
Đã không bằng chim cắt một vút tầng mây xanh thẳm
Lại không bằng con báo từng giấu mình trong sắc rần rì
Ngán thay tạo vật cho ta sống làm gì?
Phải chung sống ở trần cùng với loài dê chó
Không bằng để ta chết cho non sông mà làm ngọc anh quỳnh
chi
Phải chung sống, khác nào u bấu nung núc hành thân khổ
Không bằng chết, mà cùng trời đất bát ngát nhẹ hồn mê
...*

Cái chết oanh liệt của ông đã kích động sâu xa đến lòng yêu nước của sĩ phu thời bấy giờ. Nhiều người đã làm thơ thương tiếc ông. Bài thơ của danh tướng Tôn Thất Thuyết khóc ông mà nay đọc lại ta cũng ứa lệ (Trần Huy Liệu dịch):

*Trước đây mười năm đã từng biết,
Trọn đời hẹn mình cho khi tiết.
Theo tôi đánh giặc, vùng Bắc Giang,
Nổi tiếng can đảm hơn đồng liệt.
Quyết lòng vì nước lập kỳ công,
Khá tiếc năm nay ông vội chết.
Như ông xem chết nhẹ như chơi,
Chỉ khi kịp theo các tiên triết.*



Cảnh xét xử đầu thế kỷ XX

*Gần đây chết nghĩa biết bao người,
Tiếng ông Cách Bi trội hơn hết.
Hồn thiêng nên gắng giúp non sông,
Muôn thuở Đức Giang thơm sạch tuyệt.*

Khí tiết lâm liệt của Nguyễn Cao đã được lưu truyền từ dòng máu kiên cường của người mẹ.

BẠCH XỈ

Trăm năm tâm sự trời soi thấu

Trong lịch sử Việt Nam có những nhân vật lạ lùng, dù sinh ra trong gia đình “thường thường bậc trung” nhưng họ lại tự xưng là...vua! Mà họ làm vua thật! Cũng có “bá quan văn võ”, cũng đặt “quốc hiệu”, cũng có “quốc kỳ” như một vương triều chính thống! Nhưng có điều “vương triều” này tồn tại không bao lâu, không có ảnh hưởng rộng lớn, không được chính sử nhắc đến. Đó là trường hợp của Phan Xích Long ở Nam kỳ hoặc Bạch Xỉ ở Trung kỳ... Tên tuổi họ còn sống mãi với non sông, vì đó chỉ là có chiêu mộ nghĩa quân đánh Pháp, giành lại độc lập cho dân tộc.

Bạch Xỉ tên thật là Đoàn Chí Tuân (còn có tên Đoàn Đức Mậu), sinh năm 1855 tại làng Hòa Ninh (nay thuộc xã Quảng Hòa, huyện Quảng Trạch - Bình Trị Thiên), con trai của cụ Đoàn Chí Thông. Lớn lên trong gia đình có truyền thống yêu nước và nổi tiếng thần đồng, thiên hạ đặt nhiều kỳ vọng vào Bạch Xỉ. Với biệt hiệu này có người giải thích là do ông sinh ra tại chùa Bạch Xỉ, nhưng cũng có cách lý giải là ông lấy câu sấm Trạng Trình: “*Bạch xỉ sinh, thiên hạ thái bình*”(bao giờ rằng trắng mới có thái bình). Từ nhỏ, đi học nơi nào các thầy cũng khâm phục trí nhớ siêu phàm của ông. Nhưng đến năm lên mười thì Bạch Xỉ bỏ học, về nhà đóng cửa đọc sách, tự học. Năm tháng trôi qua. Lúc ông lớn lên thì nước nhà đang đứng trước nguy cơ mất vào tay giặc Pháp. Năm 1873, giặc tấn công Bắc kỳ. Năm 1883, giặc chiếm toàn bộ nước ta. Những người yêu nước đã nhìn thấy thực trạng: “*Tình thế gian nguy/ Cơ đồ tan nát/ Cũng vì triều đình nhu nhược, tham sinh nên đã đầu hàng/ Để cho quân*

giặc tung hoành, thừa thế ra tay tàn sát.”. Năm 1885, kinh thành Huế thất thủ, vua Hàm Nghi xuống chiếu Cần Vương. Cũng như nhiều thanh niên đau lòng trước cảnh nước mất nhà tan, Bạch Xỉ ra đón xa giá phò vua giúp nước:

*Trăm năm tâm sự trời soi thấu,
Sánh với người xưa đã rõ ràng.*

Nhưng bấy giờ, danh tướng Tôn Thất Thuyết không trọng dụng Bạch Xỉ, ông bỏ về quê chiêu mộ nghĩa binh đánh Pháp. Ông lập căn cứ ở vùng núi phía Nam Quảng Bình, cùng kháng chiến với các tướng Hoàng Phúc, Cao Thượng Chí. Lúc này, Bạch Xỉ tròn 30 xuân. Có ông thầy bói tên Dư - rất nổi tiếng ở làng Dương Phổ, hạt Hương Khê khuyên ông nếu lấy vợ trong thời gian này thì sẽ gặp người “vượng phu ích tử”, rất tốt cho đường công danh về sau. Nghe những lời “tán” ấy, Bạch Xỉ chỉ cười ha hả và buột miệng đọc:

*Nằm không ngủ, ăn không ngon,
Khăng khăng đêm ngày dạ sắt son.
Đã nghĩ một mình nên lấy vợ,
Nhưng thương muôn họ thấy là... con!*

Giọng thơ có khẩu khí rất... “hoàng đế” này xuyên suốt trong toàn bộ sáng tác văn học của Bạch Xỉ! Rồi, chỉ trong một thời gian ngắn, ông đã chiêu mộ được khá đông thanh niên trong làng tụ họp dưới ngọn cờ xướng nghĩa của ông. Cũng tương tự như “hoàng đế” Phan Xích Long, Bạch Xỉ tung tin rằng mình là người giỏi pháp thuật. Nếu nghĩa quân Phan Xích Long khi xông trận mặc quần đen, áo trắng, cổ đeo bùa, miệng đọc thần chú, tay cầm giáo mác dững cảm đối đầu với hòn tên mũi đạn thì nghĩa quân của Bạch Xỉ chỉ lấy quạt và gậy làm vũ khí, quạt phẩy làm cho địch mê man rồi lấy gậy đập chết! Trước lúc ra trận, ông gieo quẻ âm dương, dùng Kinh dịch để phán đoán tình hình địch và quyết định giờ giặc, hướng xuất quân! Bên cạnh đó, Bạch Xỉ còn làm khá nhiều thơ để động viên tinh thần nghĩa quân với giọng khẩu khí. Chẳng hạn, chỉ là chuyện *Quét nhà*, nhưng ông hạ bút:

*Chỉ sợ muôn dân nhuộm bụi hồng,
Ra tay một trận quét sạch không.*

*Đền từ quét tước thêm vui mắt,
Đài các vào ra mới thỏa lòng.
Lũ kiến bất tài xua mái bắc,
Đoàn trùn vô dụng gạt tường đông.
Từ nhà mà nước, mà thiên hạ,
Cũng có tay mình mới sạch trong.
Hoặc chỉ là Bói khoai, nhưng lại là:
Xâm lấn đất ta đã bấy nay,
Anh hùng gặp hội quyết ra tay.
Nhỏ to những mấy vơ ngang củ,
Dài vắn bao nhiêu bút cả đây.*

Không chỉ riêng nghĩa quân mà ngay cả Bạch Xỉ khi sống trong rừng núi với biết bao thiếu thốn, gian khổ, lại bệnh sốt rét, ghẻ lở... nên phải bôi thuốc vàng khắp người. Vậy mà, ông lại tức cảnh làm thơ cứ như là người Tiên, người Phật:

*Đi ra ăn khắp nước Lào - Muồng,
Tốt phúc trời cho được phát sang.
Đội lột phong trần, Tiên vẻ ngọc,
Thêm duyên công đức, Bụt mình vàng.*

Rồi phong trào kháng chiến ở Quảng Bình thất bại, ông ra Hà Tĩnh hoạt động ở vùng núi rừng Vụ Quang, Đại Hàm (Hương Sơn). Sau khi vua Hàm Nghi bị giặc bắt, ông tin rằng vận số đã đến với mình nên tự xưng là Đại hoàng đế, đặt niên hiệu Văn Lượng. Trong các công văn gửi cho dân miền núi quanh vùng, ông ký tên Văn Lượng hoàng đế, còn khi viết thư riêng, ông ký tên Nhiều Long tiều tử. Khi Bạch Xỉ đi đâu thì cũng có 28 thủ hạ đi theo - gọi là nhị thập bát tú hộ vệ sao Tử vi! Sắp xếp xong công việc của “triều đình”, Bạch Xỉ truyền hịch kêu gọi toàn dân bất kể lương hay giáo đều phải có nhiệm vụ tham gia kháng chiến. Trong suốt sáu năm trời ròng rã đánh nhau với giặc, Bạch Xỉ đã tổ chức đội ngũ của mình thành bốn vệ tiền, hậu, tả, hữu rất có thanh thế trên cùng chiến trường với nghĩa quân của cụ Phan Đình Phùng. Trong bài thơ tặng cụ Phan, ông khiêm tốn hạ mình (Cố Nhi Tân dịch):

*Nghĩa liệt tướng quân vang bốn cõi,
Xin theo bên ngựa đỡ dây cương.*

Hai nhà nghiên cứu Võ Xuân Trang và Đoàn Tiến Khứ có cho biết một vài trận khá tiêu biểu của Bạch Xỉ: “Đầu tháng 1/1891, địch tiến hành một cuộc càn lớn kéo dài 15 ngày vào huyện Hương Khê đến đèo Quy Hợp không gặp một lực lượng nào đánh trả. Nghĩa quân Bạch Xỉ tổ chức một trận phục kích khi chúng trở về tả ngạn Ngàn Sâu ngay bên đèo Thanh Luyện. Nghĩa quân mai phục, núp trong các lùm cây, chờ cho phần lớn quân địch đã qua sông, số còn lại cõng súng nghỉ trên bờ chờ đò, thì bất thần dùng cung nỏ bắn tên độc vào quân địch. Một số địch bị tên độc la hét, nghĩa quân nhảy ra dùng kiếm, đoản đao giết, cướp súng. Một số nghĩa quân khác dùng súng trường bắn bọn đã qua đò toan quay lại. Quân địch chết và bị thương gần hết. Nghĩa quân đánh nhanh rút gọn làm cho bọn địch đã qua sông không quay lại kịp. Trận phục kích này, nghĩa quân thu được 9 súng và rút lui an toàn.

Ngày 4/3/1891, nhân ngày phiên chợ, tên thiếu úy Pháp đưa lính ra sục sạo chợ phiên. Một cơ sở nội ứng của nghĩa quân là lính khố xanh đã rủ được khá đông quân lính địch ra chợ ăn uống no say nên số lượng trong đồn còn lại rất ít. Thế là 50 nghĩa quân giả trang ập vào đồn. Quân địch phản ứng không kịp, nghĩa quân dùng đoản đao giết giặc, cướp súng. Bên ngoài, một số nghĩa quân cũng giả trang bắn yểm hộ. Nhờ có nội ứng nên chỉ trong vòng mấy phút, nghĩa quân đã cướp được 11 khẩu súng, rút lui an toàn.

Qua trận này, nghĩa quân Bạch Xỉ liền khuếch trương thắng lợi. Họ càng đề cao tài mưu lược và chỉ huy của chủ tướng - nhất là nhấn mạnh pháp thuật cao cường của ông và tài “xuất quỷ nhập thần” của nghĩa quân⁽¹⁾

Nhưng phong trào Cần vương ở Hương Sơn, tiêu biểu nhất là vẫn cuộc trường kỳ kháng chiến của cụ Phan Đình Phùng. Trước sức mạnh của vũ khí tối tân của giặc, cụ ý thức phải vận dụng khoa học kỹ thuật để đúc súng hiện đại thì mới có thể chống chọi lại được với chúng. Người giúp

⁽¹⁾ *Danh nhân Bình Trị Thiên* – nhiều tác giả - NXB Thuận Hóa - 1986, trang 223 - 224.

cụ thành công trong việc sáng chế ra súng trường không thua gì súng của Pháp là danh tướng Cao Thắng. Do đó, khi Bạch Xỉ tung tin mình giỏi phép thuật, dùng tà thuật mà diệt giặc thì cụ Phan ghét lắm. Cụ sợ tà thuyết làm loạn nghĩa binh và mê hoặc nhân tâm nên đã có lần, cụ sai người đi bắt Bạch Xỉ.

Có lẽ do thông tin này bị lộ ra ngoài, nên Bạch Xỉ đã biết trước. Khi nghĩa quân của cụ Phan dò thám biết ông đang trú quân ở núi Đại Hàm, liền tổ chức vây bắt. Nhưng lúc vào tận nơi chỉ thấy năm gian nhà mới cất, trống trơn và vắng tanh như chùa Bà Đanh! Họ bước vào trong khu nhà lớn nhất, thấy có treo bài thơ son son thép vàng:

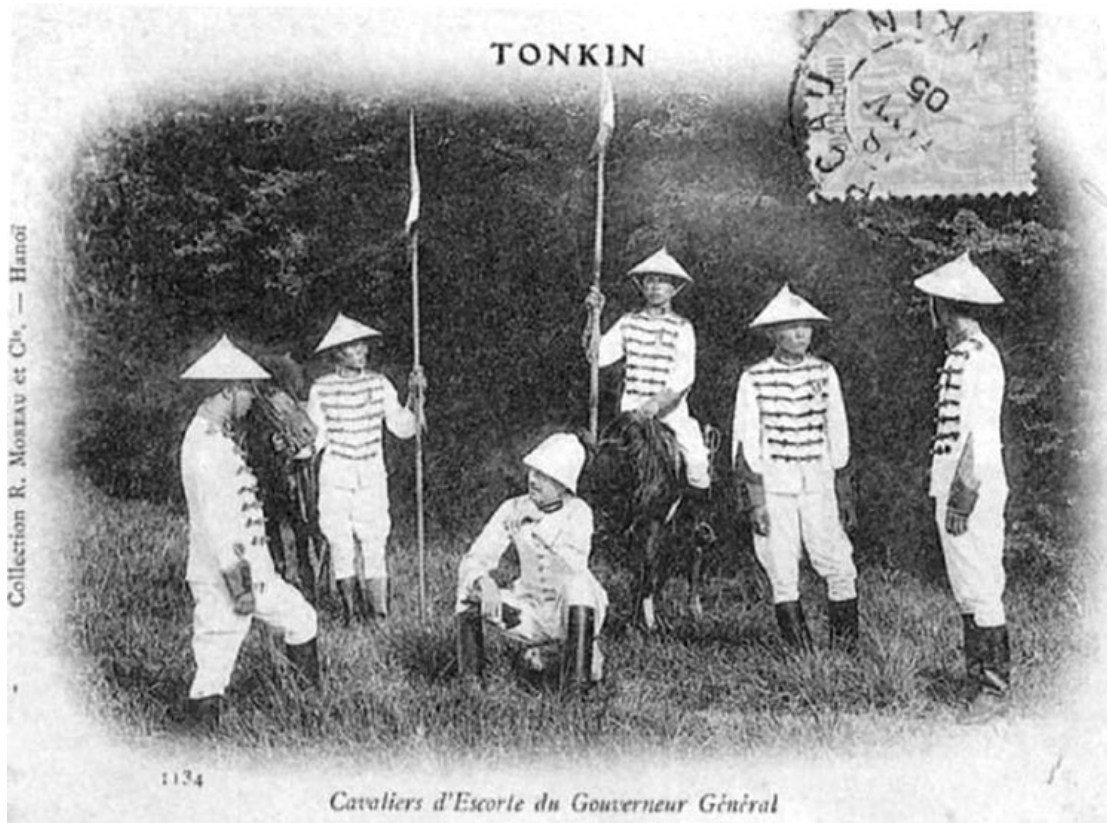
*Xẻ giữa rừng xanh nổi nóc nhà,
Mà cho bốn biển ngưỡng trông ta.
Khoan thai rũ áo ngồi vui vẻ.
Nào khác đến Nghiêu những mấy tòa.
Hai bên cột còn treo hai câu đối:
Vận hội nửa ngàn mây gặp đó;
Công danh bốn biển kém gì đâu.*

Còn Bạch Xỉ đã trốn thoát tự bao giờ rồi! Vì thế mọi người càng tin ông có tài độn thổ, biết trước mọi việc! Sau đó, Bạch Xỉ bỏ núi Đại Hàm, xây dựng căn cứ kháng chiến nơi khác và tiếp tục đánh thắng nhiều trận khác. Thật ra, có được những thắng lợi đó một phần do nghĩa quân hùng hậu của cụ Phan Đình Phùng đang tập trung lực lượng đánh những cứ điểm quan trọng của giặc, khiến chúng phân tán lực lượng, không thể tập trung binh mã đối phó. Do đó, năm 1895, cụ Phan bị bệnh từ trần thì lực lượng kháng chiến của Bạch Xỉ cũng suy yếu dần. Thế nhưng dù chiến đấu không cân sức với giặc, lúc nào Bạch Xỉ cũng lạc quan như trong bài thơ *Tế thế yên dân*, ông viết những câu thơ sáng khoái, mạnh mẽ lạ thường:

*Đùng đỉnh túi kinh luân thao lược
Đem quách ra mà tế thế yên dân
Kéo ngân hà rửa sạch hồng trần
Cho bốn bể non xanh mà nước biếc
Nhất điểm trung can huyền nhật nguyệt*

*Thiên thu chính khí tác sơn hà
Chén đào viên ta sẽ rót cùng ta
Nguyên sinh tử, tử sinh khôn biến đổi
Ngoài ngàn dặm vó long câu rong ruổi
Trong một nhà tôi chú anh em
Danh chẳng thêm mà lợi cũng chẳng thêm
Mở mắt anh hùng trong vũ trụ
Thân bách niên mà danh ở vạn cổ
Nức hơi thơm còn mãi mãi về sau*

Bấy giờ, thực dân Pháp đang tập trung binh mã quyết xóa sổ căn cứ Vụ Quang, Đại Hàm, Ngàn Trươi... của cụ Phan. Nghĩa quân kháng chiến tan tác cả. Trong bước đường cùng, Bạch Xỉ trốn xuống làng Trung Định. Do có kẻ chỉ điểm nên chúng xộc vào làng. Nghĩa quân phản kích lại dữ dội. Cuộc chiến đấu không cân sức kéo dài mấy giờ liền. Chúng



Toán kị binh quân đội Pháp - từng tham gia đàn áp lực lượng của Bạch xỉ